

Những bài văn mẫu So sánh lòng yêu nước trong hai tác phẩm Tô lòng và Phú sông Bạch Đằng Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

So sánh lòng yêu nước trong hai tác phẩm Tô lòng và Phú sông Bạch Đằng Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Nhà văn Nguyễn Trung Thành khi nhìn lại cả một chiều dài lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta đã cảm khái mà thốt lên rằng: “Nếu như phải vẽ lại lịch sử Việt Nam thì trang nào cũng phải vẽ một thanh gươm tự vệ và tô đậm một màu máu”, “Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần, Lê bao đời gây nền độc lập” (Nguyễn Trãi) có triều đại nào không phải kinh qua những cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, có thời đại nào không vang dội những chiến thắng nức lòng, có người dân của thời đại nào mà không sôi sục trong huyết quản một dòng máu yêu quê hương tha thiết? Hào khí Đông A, hiểu theo chiết tự, là hào khí của thời đại nhà Trần, nhưng hào khí ấy bắt nguồn từ lịch sử xa xưa các vua Hùng dựng nước và trực tiếp bắt nguồn từ chiến thắng của Ngô Quyền với quân Nam Hán (938), chiến thắng của Lý Thường Kiệt (1076). Hào khí âm vang lan truyền tới mãi mãi sau này, trong niềm kiêu hãnh dân tộc của người dân đất Việt.

Làm sao có thể lý giải được một dân tộc nhỏ bé, một đất nước bé nhỏ lại có thể ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông - một đế quốc hùng mạnh và hung hãn nhất của thời bấy giờ, đi tới đâu là gieo rắc sự chết chóc cho mọi sinh linh tới đó: “Vó ngựa quân Nguyên Mông đi tới đâu, thì cỏ không còn mọc được”, nếu như không nghe qua những lời thơ hùng tráng của các thi sĩ - tướng sĩ, hay chỉ là một kẻ khách không thôi, cũng đượm một hào khí Đông A, cũng ngùn ngụt một niềm kiêu hãnh, tự hào không hề che giấu.

Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu

Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu.

(Múa giáo non sông trải mấy thu

Ba quân hùng khí át sao Ngưu)

(Thuật hoài - Phạm Ngũ Lão)

Câu thơ dịch là Múa giáo, không sát với nguyên bản và vì thế đã giảm mất tự thể “hoành sóc” hiên ngang của người tráng sĩ. Hoành sóc (cáp ngang ngọn giáo) thể hiện tư thế của người tráng sĩ, một tư thế ung dung đỉnh đạc, vừa tĩnh lại vừa động, vừa điềm đạm lại vừa hào hứng, thách thức. Đó là tư thế của một dân tộc biết được

sức mạnh của mình và sức mạnh đó đã được trải qua bao cuộc thử thách, một tư thế vững vàng không thể lay chuyển được. Từ thế đứng của một tráng sĩ mà thấy thế đứng cả dân tộc, từ sức mạnh của một người mà thấy được sức mạnh của cả dân tộc, cả quân đội:

Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu.

Từ một thế đứng hiên ngang, câu thơ bỗng vút lên một ý tưởng lãng mạn, hay nói đúng hơn là từ một thế đứng, điệu thơ đã thăng hoa một cách rực rỡ và tỏa sáng hào quang lên tận trời xanh, át cả ánh sáng của sao Ngưu, sao Đẩu, những ngôi sao sáng nhất theo quan niệm của người xưa.

Trong thơ ca cổ điển, cái tôi thường ít được nói tới và những tâm trạng uẩn khúc của riêng một con người cũng hầu như không xuất hiện. Thế nhưng Phạm Ngũ Lão đã nói lên tâm sự của chính mình một cách thẳng thắn và cao đẹp:

Nam Nhi vị liễu công danh trái

Tu chính nhân gian thuyết Vũ Hầu

(Công danh nam tử còn vương nợ

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu).

Đó là nỗi thẹn vì chưa trả được nợ công danh, nợ anh hùng nay trả nay vay, chưa báo đền nợ trước, bực vì sức mạnh không được như Gia Cát Lượng giúp nhà Hán ngày xưa, một nỗi thẹn thật đáng quý.

Hào khí Đông A đâu chỉ thể hiện ở lòng yêu nước căm thù giặc, tinh thần quật khởi lòng tự hào dân tộc. Nó còn nằm trong những khía cạnh tâm sự sâu kín của con người, là tâm sự đáng yêu của một chàng trai đất Việt, cũng là tâm trạng của thế hệ thanh niên thời bấy giờ, lúc nào cũng canh cánh thù nhà nợ nước, cũng đặt trách nhiệm gánh vác sự an nguy của đất nước trên đôi vai của chính mình. Hào khí ấy đã làm nên những chiến thắng lẫy lừng để rồi mai sau, người dân nào đi qua những mảnh đất thiêng liêng của chiến địa cũng thấy dậy lên trong mình một hào khí của dân tộc. Đó cũng là cảm hứng làm nên sự bất hủ của bài Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu.

Bài Bạch Đằng giang phú được làm cuối đời Trần, lúc mà chế độ phong kiến nhà Trần đang dần dần đi vào con đường suy thoái, nhưng giữa cảm hứng bi tráng của bài phú, vẫn vút lên một khí thế hào hùng của dân tộc, niềm say sưa và tự hào

không gì che giấu nổi trước những chiến công. Thế mới biết hào khí Đông A có sức âm vang và lay động lòng người tới mức nào.

Tinh thần thượng võ ở thời trung cổ không phải là không có những nét đẹp và khi nó đi vào thơ phú của Trương Hán Siêu để được hòa quyện với lòng tự hào dân tộc, nó đã làm nên bức tranh tuyệt đẹp, cái đẹp của sự hào hùng:

Thuyền bè muôn đội

Tinh kỳ phấp phới

Tì hồ ba quân

Giáo gươm sáng chói

Trận đánh thư hùng chưa phân

Chiến lũy Nam Bắc chống đối.

Nhà thơ say sưa với trận đánh lịch sử như chính là đang sống với chiến cuộc, những nét bút tung hoành thể hiện một sự cảm khoái cực độ:

Khắc nào

Trận Xích Bích quân Tào Tháo tan tác tro bay

Trận Hợp Phì, giặc Bồ Kiên hoàn toàn chết trụi.

Và nếu như ở Thuật hoài, niềm tự hào của Phạm Ngũ Lão bốc đầy hùng khí thì ở Bạch Đằng giang phú, niềm tự hào đã chín một cách đậm thắm và vĩnh hằng, gắn với sự tồn tại của tự nhiên:

Đền nay sông nước tuy chảy hoài

Mà nhục quân thù không rửa nổi.

Sông nước chảy hoài, dòng chảy của tự nhiên, của lịch sử, của thời gian, dòng chảy ấy không xóa đi mãi mãi lại âm vang của hào khí Đông A, cũng như lưu lại vết nhục của quân thù và niềm tự hào của mỗi người dân chúng ta.

Xuyên suốt qua hai tác phẩm Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão và Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu là một tinh thần quật khởi, một tình yêu đất nước mãnh liệt, một lòng căm thù giặc sâu sắc và một niềm kiêu hãnh tự hào dân tộc nức lòng

người. Nhưng nói như vậy không có nghĩa dân tộc ta ưu thích chiến tranh, thích đổ máu, mà ngược lại, hơn bao giờ hết, hào khí Đông A được xây dựng trên nền tảng nhân nghĩa của cha ông ta:

Giặc tan muôn thuở thanh bình

Bài đầu đất hiểm cốt mình đất cao

Hoàng sóc giang sơn cáp kỉ thâu

Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu.

Chính vì tư thế Hoàng sóc vừa vững chãi vừa uy nghi ấy cũng nói lên thế cắt ngang ngọn giáo đứng hiên ngang đẹp đẽ của dân tộc ta bởi vì chúng ta chiến đấu là để bảo vệ non sông gấm vóc, bảo vệ hòa bình.

Có cắt nghĩa như vậy ta mới lý giải được vì sao hào khí Đông A lại có một sức lâu bền như vậy, và mới hiểu tại sao mà Nguyễn Trãi, Lê Lợi sau này lại làm nên những chiến công cũng hiển hách như vậy. Hào khí Đông A sống mãi trong lịch sử, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hơn một trăm năm sau sự ra đời của Bạch Đằng giang phú hào khí ấy vẫn vọng lên trong bài thơ Qua cửa Hàm Tử của Trần Lâu:

Trống chiêng rung động, sông dồn sóng

Cờ quạt tung bay, trúc rẽ nhàng

Cổ chinh hùng dũng trào cao thấp

Kì bái sần sỉ trúc ảnh tà.

Và dù ở bài thơ nào, Thuật hoài, Bạch Đằng giang phú hay Qua cửa Hàm Tử thì hào khí Đông A vẫn được bày tỏ một cách hết sức tự nhiên, bởi nó đã thấm vào máu thịt của từng người dân đất Việt, nó là tâm huyết, là dòng máu nóng sục sôi trong từng huyết quản những người dân đã khắc hai chữ Sát Thát vào cánh tay mình trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông thế kỉ XIII.

Và bây giờ, khi đọc lại tác phẩm Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão và Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu, ta như thấy được cả một rừng cánh tay vung lên, cánh tay nào cũng chích hai chữ Sát Thát đỏ thắm như máu, ta thấy lại được cái hùng khí của cả một thế hệ anh hùng, một thời đại anh hùng. Trong công cuộc dựng xây đất nước hôm nay, dân tộc như được tiếp nhận thêm sức mạnh bởi hào khí Đông A thưở trước.

Văn mẫu lớp 10 So sánh lòng yêu nước trong hai tác phẩm Tổ lòng và Phú sông Bạch Đằng mẫu 2

Có thể nói, cùng với cảm hứng nhân đạo, yêu nước là cảm hứng chủ đạo, xuyên suốt chiều dài lịch sử của văn học trung đại. Nhưng nếu như cảm hứng nhân đạo được thể hiện tập trung hơn cả ở giai đoạn cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX thì cảm hứng yêu nước lại đậm nét hơn ở những thế kỉ XIII - XIV với những sáng tác tiêu biểu như Vận nước (Pháp Thuận), Tổ lòng (Phạm Ngũ Lão), Phú sông Bạch Đằng (Trương Hán Siêu), Hứng trở về (Nguyễn Trung Ngạn).

Trong lịch sử dân tộc, thời đại Lí Trần là thời đại có khá nhiều dấu son chói lọi. Tên đế quốc phong kiến sừng sỏ nhất thời bấy giờ cũng phải chịu thất bại trước sức mạnh vô song của quan quân triều Trần. Cảm hứng yêu nước của các tác giả được khơi lên từ chính những sự kiện lịch sử có thật và luôn được biểu hiện một cách đậm nét trong các sáng tác.

Đỗ Pháp Thuận là một nhà tu hành theo đạo Phật nhưng ông lại là người có tinh thần nhập cuộc rất lớn. Với kiến thức uyên bác và tài thơ văn, ông thường tích cực tham gia vào việc xây dựng nhà Tiền Lê. Thực chất bài thơ Quốc tậ là câu trả lời ngắn gọn mà sâu sắc của Đỗ Pháp Thuận đáp lại câu hỏi của vua Lê Đại Hành về vận nước.

Quốc tộ như đằng lạc,

Nam thiên lí thái bình.

(Vận nước như dây mây leo quấn quýt, ở cõi trời nam mở ra cảnh thái bình.)

Trong hai câu đầu nay Đỗ Pháp Thuận đã mượn hình tượng thiên nhiên để nói về vận nước. Cách so sánh vận nước như dây mây leo quấn quýt vừa nói lên sự bền chặt, vừa nói lên sự dài lâu, phát triển thịnh vượng. Câu thơ khẳng định vận may của đất nước đồng thời nói lên niềm tin của tác giả vào vận nước. Hai câu thơ phản ánh tâm trạng phơi phới niềm vui, niềm tự hào, lạc quan.

Đến hai câu sau:

Vô vi cư điện các,

Xứ xứ tức đao binh.

(Vô vi ở nơi cung điện,

Thì khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh)

Điều tác giả muốn hướng tới là đường lối trị nước. Vô vi theo Lão Tử là thuận theo tự nhiên, không làm gì trái với qui luật tự nhiên. Trong bài thơ, hai chữ vô vi được viết theo tinh thần Nho giáo. Người lãnh đạo dùng đạo đức của bản thân để cảm hoá dân, khiến cho dân tin phục. Khi dân đã tin phục thì xã hội tự đạt được trạng thái trị bình, vua không phải làm gì hơn. Khuyến nhà vua trong điều hành chính sự nên vô vi tức là thuận theo tự nhiên, dùng phương sách đức trị, lấy đức mà giáo hoá dân. Được như thế thì đất nước thái bình, thịnh trị, không còn nạn binh đao, chiến tranh.

Từ bài thơ, có thể thấy lòng yêu nước của Đỗ Pháp Thuận được thể hiện ở ý thức trách nhiệm, niềm lạc quan vào tương lai của đất nước. Cao hơn, lòng yêu nước gắn liền với khát vọng hoà bình của con người thời đại bấy giờ. Vận nước xoay quanh hai chữ thái bình mà đường lối trị nước cũng hướng tới hai chữ thái bình. Đỗ Pháp Thuận đã thay mặt hết thảy mọi người dân Việt Nam để nói lên khát vọng truyền thống của cả dân tộc.

Lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam như ngọn lửa luôn được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đến Phạm Ngũ Lão, nó được thể hiện đậm nét trong ý thức về sức mạnh dân tộc:

Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu,

Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu.

Niềm tự hào về đội quân của mình trước hết được Phạm Ngũ Lão thể hiện Tự thể qua việc khắc hoạ tư thế hoành sóc (cầm ngang ngọn giáo). “Cầm ngang ngọn giáo” khác hẳn với “múa giáo”, hơn hẳn tư thế “múa giáo” ở sự hiên ngang, lẫm liệt, vững chãi, ở tư thế chủ động, sẵn sàng trân giữ, bảo vệ non sông. Cây trường giáo này không chỉ được đặt trong không gian rộng lớn (giang sơn) mà còn như đo suốt thời gian bất tận (kháp kỉ thu). Hành động kì vĩ đó chắc chắn phải thuộc về con người có tầm vóc lớn lao. Không xuất hiện trực tiếp nhưng hình tượng con người như át cả vũ trụ bao la.

Xuất hiện trong câu thơ thứ hai là hình ảnh của cả một đội quân với khí thế dũng mãnh sẵn sàng lăn xả vào bọn giặc dữ một khi chúng ồ ạt tràn tới. Thủ pháp nghệ thuật so sánh vừa cụ thể hoá sức mạnh vật chất của ba quân vừa hướng tới sự khái quát hoá sức mạnh tinh thần của đội quân mang “hào khí Đông A”. Câu thơ gây ấn tượng mạnh mẽ bởi sự kết hợp giữa hình ảnh khách quan và cảm nhận chủ quan, giữa hiện thực và lãng mạn. Tam quân là hình ảnh nói về quân đội nhà Trần nhưng đồng thời cũng tượng trưng cho sức mạnh của cả dân tộc.

Nhận thức về sức mạnh của con người và sức mạnh quân đội của Phạm Ngũ Lão thể hiện niềm tự hào khôn xiết về sức mạnh của dân tộc trong thời đại. Và càng tự hào về sức mạnh đó bao nhiêu, Phạm Ngũ Lão càng khao khát được phụng sự đất nước, phụng sự dân tộc bấy nhiêu:

Nam nhi vị liễu công danh trái,

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

Phạm Ngũ Lão khao khát lập công danh nhưng công danh đó không phải để cho riêng ông mà để phụng sự đất nước, vì đất nước. Thực tế, khi bài thơ này được hoàn thành, Phạm Ngũ Lão đã trở thành vị tướng giỏi của nhà Trần, lập được rất nhiều công trạng cho triều đình. Nhưng, dường như ông chưa thỏa lòng với những gì mình đã làm được mà vẫn thấy mình chưa trọn công danh, vẫn thấy món nợ công danh của mình còn đó. Suy nghĩ này cho thấy khát vọng được công hiến hết mình cho triều đại nhà Trần, cho dân tộc. Đây là khát vọng của con người có ý thức, trách nhiệm với non sông đất nước. Và càng khao khát bao nhiêu, con người ấy càng cảm thấy “thẹn” bấy nhiêu khi tự so sánh mình với Vũ hầu (Gia - Cát Lượng). Nỗi thẹn ấy là nỗi thẹn của con người đã rất hết lòng vì dân, vì nước, là nỗi thẹn dẹt nên lòng yêu nước thiết tha trong Phạm Ngũ Lão.

Cũng như tác giả Tô lòng, khi viết Phú sông Bạch Đằng, Trương Hán Siêu cũng bày tỏ lòng tự hào dân tộc. Nhưng với Trương Hán Siêu, tự hào dân tộc là tự hào về truyền thống yêu nước và tự hào về truyền thống đạo lí nhân nghĩa. Phân thân thành nhân vật khách và các bô lão, tác giả đã để dòng hoài niệm về cuộc chiến đấu vẻ vang của dân tộc đang dâng trào cất thành những lời ca ngợi ca chiến công trên sông Bạch Đằng:

Đây là nơi chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã,

Cũng là bãi đất xưa, thuở trước Ngô chúa phá Hoằng Thao.

Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Tròn ba trăm năm mươi năm sau (năm 1288), cũng trên dòng sông đó, Trùng Hưng nhị thánh bắt sông tướng giặc Ô Mã Nhi. Sở dĩ các bô lão nhắc tới chiến thắng thời Trần trước là bởi sự kiện này mới diễn ra, gần gũi với họ. Chính chiến thắng này đã gợi nhớ lại chiến thắng khi xưa. Nhắc lại những chiến công oai hùng đó, trong lòng các bô lão và nhân vật khách chắc chắn đang dấy lên niềm tự hào khôn xiết. Bằng hai câu văn dài, mỗi câu mười hai âm tiết, tác giả đã tạo được không khí trang nghiêm, đĩnh đạc, làm nền cho việc hồi tưởng lại chiến trận (giữa quân đội nhà Trần và quân Nguyên - Mông) ở phần tiếp:

Thuyền bè muôn đội, tinh kì phấp phới,

Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói.

Cách ngắt nhịp nhanh, lối đối ngẫu chặt chẽ và một loạt hình ảnh hùng dũng trong hai câu văn tái hiện sinh động không khí trận mạc quyết liệt trên sông. Các nhân vật như đang sông trong cuộc giao tranh ác liệt. Họ nhìn nhận rất chính xác về lực lượng giữa ta và địch chứ hoàn toàn không quá đề cao hay hạ thấp bên nào. Quân địch rất hùng mạnh và lại gian xảo (Tát Liệt thế cường - Lưu Cung chước dối), còn quân ta chiến đấu vì chính nghĩa nên cũng thuận với lẽ trời (Trời cũng chiều người), lại có người tổ chức lãnh đạo kiệt xuất với đường lối chiến thuật, chiến lược đúng đắn (Cũng nhờ: nhân tài giữ cuộc điện an). Chính cái nhìn công bằng của khách và các bô lão về lực lượng ta - địch đã góp phần thể hiện sâu sắc hơn niềm tự hào trong họ. Chiến thắng đội quân kiêu ngạo đã từng tung vó ngựa thôn tính nhiều quốc gia từ Á sang Âu, quân đội ta quả đã thực thi một việc phi thường. Niềm tự hào ấy hẳn lớn lao vô cùng nên các bô lão và khách đã phải cất lời đối sánh:

Khác nào như khi xưa:

Trận Xích Bích quân Tào Tháo tan tác tro bay,

Trận Hợp Phì giặc Bồ Kiên hoàn toàn chết trụi.

Diễn tích, điển cố tự ngàn xưa được nhắc lại trong nỗi niềm hoài vọng của các nhân vật. So sánh trận chiến của quân đội ta với trận chiến nổi tiếng thời Tam Quốc khi xưa, chắc chắn trong lòng khách và các bô lão đang dấy lên một cách mãnh liệt lòng tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc.

Khách và các bô lão không chỉ tự hào về các chiến công mà còn tự hào về đức lớn lao của nhân tài, của vua Trần và cũng là đức lớn của dân tộc:

Anh minh hai vị thánh quân,

Sông đây rửa sạch mấy lần giáp binh.

Công đức lớn lao của các bậc đế vương nhà Trần đã mang lại chiến thắng về vạng cho dân tộc. Khách và các bô lão đã ghi nhận công lao đó bằng sự tôn kính và mến phục vô tận. Chỉ cần đọc câu văn dịch trên đây thôi, chúng ta cũng đủ cảm nhận được điều đó...

Cảm hứng về quê hương, đất nước luôn là cảm hứng bất tận trong lòng những thi nhân vốn mang sẵn lòng yêu nước. Đó là lí do khiến các nhà thơ dù ở nơi đâu cũng có thể thể hiện tình yêu đó qua thơ văn. Xa quê, nhớ quê là tình cảm thường thấy ở mỗi người. Với Nguyễn Trung Ngạn, nỗi nhớ quê trở về thật' tự nhiên và tự cất thành những câu thơ giản dị:

Lão tang diệp lạc tầm phương tận,

Tào đạo hoa hương giải chính phi.

(Dâu già lá rụng tầm vừa chín

Lúa sớm nở hoa thơm, cua đang lúc béo.)

Tiêu điểm của nỗi nhớ trong Nguyễn Trung Ngạn không phải là những gì quá lớn lao, hùng vĩ mà đơn giản chỉ là những hình ảnh dân dã, quen thuộc của quê hương như cây dâu già, nong tầm vừa chín, lúa trở bông sớm thoảng mùi hương, cua đang lúc béo. Cuộc sông sung sướng đất Giang Nam không làm tác giả quên đi hình ảnh quê hương mà ngược lại nó càng làm nhà thơ nhớ thương nơi quê nhà nghèo khó. Hình ảnh thơ quen thuộc lại làm xúc động lòng người bởi nó gắn bó máu thịt với mỗi cuộc đời, bởi nó được nói lên một cách chân thực, tự nhiên.

Nếu ở hai câu đầu lòng yêu nước của Nguyễn Trung Ngạn được thể hiện thầm kín qua nỗi nhớ quê hương thì đến hai câu cuối tác giả trực tiếp nói lên tâm trạng của mình:

Kiến thuyết tại gia bản diệp hảo,

Giang Nam tuy lạc bất như qui.

(Nghe nói ở nhà dâu nghèo vẫn tốt,

Đất Giang Nam tuy vui cũng chẳng bằng về nhà.)

Bằng kiểu câu khẳng định tuy... bất... và biện pháp nghệ thuật đối lập bản diệp hảo, Nguyễn Trung Ngạn đã thể hiện niềm mong mỏi được trở về quê hương đất nước mình. Từ đây, chúng ta có thể cảm nhận được một cách gián tiếp niềm tự hào của tác giả. Với Nguyễn Trung Ngạn, sông sung sướng nơi đất khách không bằng được sống nơi quê nhà.

Qua các bài thơ, bài ca trên đây, có thể khẳng định sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm thơ văn Lí Trần là lòng yêu nước, là niềm tự hào dân tộc. Mỗi con người

được sinh ra trong thời đại ấy dường như đều ý thức rất rõ về quê hương, đất nước và tình yêu của mình. Chính tình cảm đó là nền tảng bồi đắp lên lòng yêu nước ở những thế hệ sau, trở thành ngọn đuốc soi đường cho mọi người dân Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giữ nước những năm sau đó. Đọc những sáng tác này, chúng ta còn cảm nhận được hùng khí của một thời đại anh hùng, hùng khí của núi sông, của đất nước. Và tất nhiên, trong mỗi người đều được dấy lên niềm tự hào về một truyền thống quý báu của cha ông.